

SO SÁNH PHONG TRÀO BÌNH DÂN HỌC VỤ (1945 - 1946) VÀ BÌNH DÂN HỌC VỤ SỐ: SỰ KẾ THỪA VÀ CHUYỂN HÓA TRONG GIÁO DỤC TOÀN DÂN

A COMPARATIVE ANALYSIS OF THE (1945 - 1946) LITERACY CAMPAIGN AND THE DIGITAL LITERACY CAMPAIGN IN VIETNAM: CONTINUITY AND TRANSFORMATION IN UNIVERSAL EDUCATION

Nguyễn Hồng Hà⁺,
Bùi Trần Khôi Nguyên,
Hoàng Khánh Linh,
Nguyễn Anh Tuấn

Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
+ Tác giả liên hệ • Email: hanguyen123lb@gmail.com

Article history

Received: 27/12/2025

Accepted: 11/3/2026

Published: 05/5/2026

Keywords

Bình dân học vụ, Bình dân học vụ số, Khai dân trí, universal education, digital transformation, digital citizenship, digital literacy

ABSTRACT

Although extensive research has examined mass literacy and digital literacy initiatives in Vietnam, these movements are often analyzed separately, leaving limited attention to the continuity and transformation of their underlying educational philosophy across historical periods. Addressing this gap, this study employs a qualitative comparative approach to examine the (1945 - 1946) Bình dân học vụ movement and the contemporary Bình dân học vụ số initiative, focusing on policy objectives, educational content, and implementation models. The findings indicate that both movements share a common ideological foundation centered on universal access to foundational competencies as a strategy for national development. At the same time, the digital literacy initiative demonstrates clear transformations in knowledge content, technological tools, and modes of implementation, particularly through a shift from volunteer-based mobilization to a coordinated, multi-actor ecosystem involving state agencies, enterprises, and community-level digital support networks. By clarifying how the “Khai dân trí” philosophy has been recontextualized in the digital era, this study contributes to a more systematic understanding of universal education as a foundation for digital citizenship and lifelong learning.

1. Mở đầu

Trong những nỗ lực phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực xã hội, các phong trào giáo dục toàn dân luôn đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển quốc gia. Tại Việt Nam, Bình dân học vụ giai đoạn (1945 - 1946) được xem là một trong những phong trào giáo dục mang tính lịch sử, xuất hiện trong bối cảnh đất nước vừa giành độc lập với mục tiêu xóa mù chữ và nâng cao dân trí để củng cố nền tảng xã hội mới. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tiến trình chuyển đổi số toàn diện, đặc trưng bởi sự bùng nổ của các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật và điện toán đám mây (Schwab, 2017), phong trào Bình dân học vụ số đang được triển khai nhằm phổ cập năng lực số cơ bản cho toàn dân, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH và đáp ứng những biến đổi căn bản trong cách thức con người học tập, làm việc và tham gia vào đời sống xã hội trong kỉ nguyên số. Tại Việt Nam, trước bối cảnh chuyển đổi số, đề án về chuyển đổi số quốc gia (Thủ tướng Chính phủ, 2020) đã đưa ra mục tiêu phát triển năng lực số toàn diện cho người dân với 70% dân số có năng lực số cơ bản vào năm 2030. Tuy hai phong trào hình thành trong những bối cảnh khác nhau, cả hai đều thể hiện nỗ lực vận động giáo dục toàn dân để đáp ứng các yêu cầu phát triển quốc gia. Tuy nhiên, phạm vi lí luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa Bình dân học vụ giai đoạn (1945 - 1946) và Bình dân học vụ số, đặc biệt là sự kế thừa tinh thần, giá trị cốt lõi và sự chuyển hóa phù hợp với yêu cầu thời đại vẫn còn thiếu phân tích hệ thống và có chiều sâu trong văn bản nghiên cứu hiện nay.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này tập trung so sánh các đặc điểm của Bình dân học vụ giai đoạn (1945 - 1946) và Bình dân học vụ số theo các tiêu chí như mục tiêu chính sách, cơ cấu tổ chức, huy động nguồn lực cộng đồng và mức độ đáp ứng nhu cầu phát triển từng thời điểm; phân tích sự kế thừa và chuyển hóa giữa hai mô hình; từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm lịch sử phục vụ triển khai hiệu quả Bình dân học vụ số hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được xây dựng dựa trên cách tiếp cận định tính, lấy việc hệ thống hóa và phân tích tài liệu làm nền tảng xây dựng cơ sở lý luận vững chắc. Nhóm tác giả thực hiện khai thác và phân tích có hệ thống các nguồn dữ liệu thứ cấp từ hai giai đoạn lịch sử khác nhau nhằm nhận diện bối cảnh, tính cấp thiết và các giá trị cốt lõi của các phong trào giáo dục toàn dân. Quy trình này giúp đặt các sự kiện trong dòng chảy liên tục của lịch sử giáo dục Việt Nam, tạo tiền đề để luận giải sự tiếp nối của tinh thần “Khai dân trí”.

Trong giai đoạn thu thập dữ liệu, các nguồn tư liệu được lựa chọn dựa trên tiêu chí đảm bảo tính chính thống và độ tin cậy học thuật cao. Đối với phong trào Bình dân học vụ giai đoạn (1945 - 1946), nghiên cứu ưu tiên các nguồn tư liệu lịch sử có giá trị sơ cấp, trọng tâm là hệ thống sắc lệnh giáo dục và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhiệm vụ diệt “giặc dốt”. Các nguồn này được đối sánh chặt chẽ với hệ thống văn bản chính sách đương đại, tiêu biểu là Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị cùng các thông điệp chỉ đạo về chuyển đổi số quốc gia của lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Việc sàng lọc tài liệu đảm bảo mức độ liên quan trực tiếp đến chủ đề nghiên cứu và khung thời gian phù hợp, giúp làm rõ sự chuyển dịch từ “xóa mù chữ” truyền thống sang “xóa mù số” trong nền kinh tế tri thức (Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, 1945; Ban Chấp hành Trung ương, 2024).

Trên cơ sở dữ liệu đã xác lập, bài báo vận dụng phương pháp so sánh - lịch sử và phân tích hệ thống làm công cụ chủ đạo để giải quyết vấn đề nghiên cứu. Hai phong trào được đối chiếu thông qua hệ thống tiêu chí nhất quán về mục tiêu, nội dung giáo dục, mô hình tổ chức và cơ chế huy động nguồn lực xã hội. Quy trình nghiên cứu được triển khai theo trình tự ba bước: (1) Thu thập và phân tích dữ liệu thực chứng về bối cảnh cùng bài học kinh nghiệm của giai đoạn 1945 - 1946; (2) Tiến hành tổng quan có hệ thống các nghiên cứu lý thuyết về giáo dục số và năng lực số, đồng thời phân tích nội dung các văn bản chính sách, đề án và báo cáo triển khai nhằm nhận diện định hướng, phạm vi và cách thức thực hiện phong trào Bình dân học vụ số trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay; (3) Tổng hợp và so sánh để rút ra các giá trị thực tiễn nhằm định hướng xây dựng công dân số và xã hội học tập suốt đời. Cách tiếp cận này không nhằm đo lường định lượng hiệu quả chính sách mà tập trung vào việc làm rõ nền tảng tư tưởng, cấu trúc tổ chức và logic phát triển của hai phong trào trong mối quan hệ lịch sử - chính sách. Qua đó, nghiên cứu hướng tới việc cung cấp luận cứ học thuật cho quá trình hoạch định chính sách giáo dục số ở Việt Nam trong giai đoạn mới.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Phong trào Bình dân học vụ (1945 - 1946)

Phong trào Bình dân học vụ được triển khai trong bối cảnh Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa hình thành sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khi nền độc lập còn ở giai đoạn sơ khởi và phải đối diện với nhiều thách thức lớn về chính trị, KT-XH. Trong số đó, tình trạng dân trí thấp, thể hiện ở việc hơn 90% dân số không biết chữ là một trở ngại nghiêm trọng đối với quá trình xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng đồng thời phản ánh hậu quả lâu dài của chính sách “ngu dân” dưới chế độ thuộc địa. Trước thực trạng này, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định xóa nạn mù chữ là nhiệm vụ mang tính cấp bách và chiến lược, gắn chặt với mục tiêu củng cố nền độc lập dân tộc và kiến tạo xã hội mới. Với dân số khoảng 20 triệu người, trong đó có tới 10 triệu người lớn chưa biết chữ, yêu cầu đặt ra là phải huy động một lực lượng giáo dục và nguồn lực tài chính vượt xa khả năng sẵn có của Nhà nước non trẻ. Theo ước tính đương thời, nếu áp dụng các phương thức giáo dục thông thường, việc dạy chữ cho số người này sẽ cần khoảng 10 vạn GV và nguồn kinh phí tương đương ngân sách toàn Đông Dương năm 1940 (Ban Bí thư Trung ương Đảng, 2011).

Ngay từ những ngày đầu lập nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh tầm quan trọng chiến lược của việc nâng cao dân trí, coi “giặc dốt” là một trong những kẻ thù nguy hiểm cần phải tiêu diệt bởi “*một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*” (Ban Bí thư Trung ương Đảng, 2011, tr 7). Quan điểm này thể hiện nhận thức sâu sắc về mối quan hệ giữa tri thức, ý thức công dân và sức mạnh quốc gia. Trên cơ sở đó, phong trào Bình dân học vụ không chỉ là một hoạt động giáo dục mà còn là một bộ phận cấu thành của chiến lược kiến quốc trong giai đoạn đầu của chính quyền cách mạng. Về phương diện tổ chức và chính sách, phong trào Bình dân học vụ được triển khai với tốc độ nhanh và phạm vi rộng. Chỉ trong thời gian rất ngắn sau ngày tuyên bố độc lập, Chính phủ lâm thời đã ban hành các sắc lệnh quan trọng nhằm thiết lập hệ thống Bình dân học vụ trên toàn quốc, quy định việc học chữ Quốc ngữ là bắt buộc và miễn phí. Cách tiếp cận này cho thấy nỗ lực của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân, đồng thời khẳng định tính nhân dân và tiến bộ của nền giáo dục mới. Một đặc điểm nổi bật của phong trào là phương thức tổ chức mang tính quần chúng sâu sắc, phù hợp với điều kiện KT-XH còn nhiều khó khăn. Việc huy động lực lượng xã hội tham gia dạy và học theo phương châm “*Những người biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ, những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết*” (Nguyễn Quang Kính, 2005, tr 929) đã

góp phần khắc phục tình trạng thiếu thốn về đội ngũ GV và cơ sở vật chất, đồng thời thúc đẩy tinh thần tự học, tương trợ và trách nhiệm cộng đồng trong nhân dân. Nhờ đó, phong trào nhanh chóng lan tỏa rộng khắp, vượt ra ngoài khuôn khổ của giáo dục chính quy.

Trong bối cảnh toàn quốc bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, phong trào Bình dân học vụ tiếp tục được gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ chính trị - quân sự. Quan điểm “đi học là kháng chiến” đã nâng cao ý nghĩa xã hội của việc học chữ, biến mỗi lớp học thành một không gian tuyên truyền và củng cố tinh thần kháng chiến. Thực tiễn triển khai cho thấy, chỉ sau một năm phát động, phong trào đã mở được hàng chục nghìn lớp học và giúp hơn 2,5 triệu người biết đọc, biết viết (Lê Mậu Hãn và cộng sự, 2005), qua đó góp phần quan trọng vào việc nâng cao dân trí và củng cố hậu phương cho sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc. Từ góc độ lịch sử giáo dục, phong trào Bình dân học vụ (1945 - 1946) là dấu mốc quan trọng trong quá trình hình thành nền giáo dục cách mạng Việt Nam. Phong trào không chỉ giải quyết nhu cầu xóa mù chữ trước mắt mà còn đặt nền móng cho tư tưởng giáo dục vì nhân dân, do nhân dân và phục vụ nhân dân - một tư tưởng có giá trị lâu dài trong tiến trình phát triển giáo dục Việt Nam.

3.2. Phong trào Bình dân học vụ số hiện nay

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang trở thành xu thế tất yếu của phát triển toàn cầu, việc phổ cập tri thức KH-CN và kỹ năng số cho toàn xã hội được xác định là nhiệm vụ chiến lược nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và bảo đảm phát triển bền vững. Ở Việt Nam, yêu cầu này được thể chế hóa rõ nét trong Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về đột phá phát triển KH-CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó nhấn mạnh triển khai sâu rộng phong trào học tập số, phổ cập, nâng cao kiến thức KH-CN, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân...; phát huy trí tuệ Việt Nam thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KH-CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Ban Chấp hành Trung ương, 2024).

Trên cơ sở đó, phong trào Bình dân học vụ số được phát động như một giải pháp có ý nghĩa nền tảng, hướng tới mục tiêu mỗi người dân trở thành một công dân số, có khả năng tiếp cận, sử dụng và ứng dụng công nghệ số phù hợp với vị trí, vai trò và môi trường hoạt động của mình. Nghị quyết số 57-NQ/TW xác định: “*Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển KH-CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*” (Ban Chấp hành Trung ương, 2024, tr 2). Việc trang bị kiến thức và kỹ năng số cơ bản giúp người dân, doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ, công chức nâng cao năng lực tự chủ trong tiếp cận thông tin, sử dụng các nền tảng số và thực hiện các giao dịch hành chính, KT-XH. Qua đó, phong trào không chỉ góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, nâng cao hiệu quả quản trị và phục vụ công mà còn thúc đẩy sự tham gia chủ động của người dân vào đời sống xã hội trong môi trường số hóa ngày càng sâu rộng. Là người phát động phong trào Bình dân học vụ số, Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KH-CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhấn mạnh: “*Chúng ta không chỉ kế thừa di sản quý báu của lịch sử mà còn phải biết ứng dụng nó vào thực tiễn hiện nay. Việc trang bị tri thức số sẽ giúp người dân tự tin hơn trong môi trường số, chủ động nắm bắt cơ hội và thích nghi với sự phát triển của công nghệ*” (Tuệ Lâm, 2025). Với phương châm: Kiến thức là nền tảng, công nghệ là công cụ để tiến xa (Nguyễn Minh Phong, 2025), phong trào này không dừng lại ở việc ban hành các chính sách hỗ trợ từ phía Nhà nước mà còn nhấn mạnh vai trò chủ động của mỗi cá nhân trong quá trình học tập và thích ứng với môi trường số. Việc khuyến khích người dân tự trang bị kiến thức, kỹ năng và tích cực tham gia vào không gian số được xem là yếu tố then chốt, qua đó tạo động lực lan tỏa cho tiến trình phát triển KT-XH của đất nước.

Về phương diện tổ chức và triển khai, phong trào Bình dân học vụ số nhanh chóng lan tỏa trên phạm vi cả nước với sự tham gia của hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương, các tổ chức đoàn thể và đông đảo các tầng lớp nhân dân. Việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KH-CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ban hành các kế hoạch hành động chuyên biệt; cùng với sự ra đời của nền tảng “Bình dân học vụ số” đã tạo ra khung thể chế và công cụ quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu phổ cập kỹ năng số (Hà Văn, 2025). Qua đó, phong trào không chỉ góp phần nâng cao năng lực số của người dân và đội ngũ cán bộ mà còn tạo tiền đề cho việc xây dựng công dân số, xã hội số và Chính phủ số, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

3.3. So sánh phong trào Bình dân học vụ (1945 - 1946) và Bình dân học vụ số

Nhằm đặt cơ sở cho việc phân tích mối quan hệ kế thừa và chuyển hóa giữa hai phong trào trong những bối cảnh lịch sử khác nhau, trước hết cần nhận diện một số đặc điểm tương đồng chủ yếu của phong trào Bình dân học vụ (1945 - 1946) và Bình dân học vụ số, qua đó làm rõ tính liên tục của định hướng giáo dục toàn dân trong chính sách giáo dục Việt Nam (bảng 1).

Bảng 1. Điểm giống nhau giữa hai phong trào (Nguồn: Tác giả tổng hợp và xây dựng)

Tiêu chí	Bình dân học vụ	Bình dân học vụ số
Mục tiêu nền tảng	Nâng cao dân trí, xóa mù chữ, tạo cơ sở cho xây dựng nhà nước độc lập	Nâng cao năng lực số, phổ cập kỹ năng số cơ bản, hình thành công dân số
Tính chất chính sách	Chiến lược giáo dục toàn dân do Nhà nước khởi xướng và dẫn dắt	Chính sách phổ cập năng lực số trong khuôn khổ chiến lược chuyển đổi số quốc gia
Nguyên tắc tiếp cận	Giáo dục bình dân, đơn giản, linh hoạt, dễ tiếp cận	Giáo dục bình dân số, chú trọng tính thực hành và khả năng tiếp cận
Phương thức huy động xã hội	Huy động trí thức, cán bộ, thanh niên tham gia dạy học	Huy động hệ thống chính trị, doanh nghiệp công nghệ, lực lượng tình nguyện
Ý nghĩa phát triển	Đặt nền móng cho việc xây dựng xã hội học tập ban đầu	Góp phần hình thành công dân học tập và nền tảng xã hội tri thức

Từ việc đối chiếu các tiêu chí so sánh ở bảng 1, có thể thấy hai phong trào Bình dân học vụ (1945 - 1946) và Bình dân học vụ số đều phản ánh một logic chính sách nhất quán: Nhà nước chủ động dẫn dắt một cuộc vận động giáo dục toàn dân nhằm giải quyết nút thắt nền tảng của phát triển quốc gia. Phong trào Bình dân học vụ sau 1945 có thể được hiểu như một chiến dịch xóa mù chữ toàn dân nhằm bảo đảm năng lực đọc - viết tối thiểu để người dân tham gia vào nhà nước dân chủ nhân dân và công cuộc kiến quốc, kháng chiến (Ban Bí thư Trung ương Đảng, 2011). Cơ sở pháp lý của phong trào được xác lập ngay tại Khoản I, Sắc lệnh số 17 ngày 08/9/1945: “*Đặt ra một Bình dân học vụ trong toàn cõi Việt Nam*” (Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, 1945) và tiếp tục được cụ thể hóa trong quá trình lãnh đạo, tổ chức thực hiện về công tác bình dân học vụ (Thủ tướng Chính phủ, 1957b), đồng thời nhấn mạnh việc tăng cường lãnh đạo, chống tái mù chữ và nâng cao chất lượng thực hiện Chỉ thị 114-TTg năm 1957 (Thủ tướng Chính phủ, 1957a). Trong khi đó, Bình dân học vụ số trong nghiên cứu được sử dụng như một khung khái niệm để chỉ các chính sách và chương trình phổ cập năng lực số cơ bản cho toàn dân, qua đó hình thành công dân học tập trong kỉ nguyên chuyển đổi số, tức là những cá nhân sở hữu năng lực số như điều kiện tham gia vào hệ sinh thái tri thức và học tập suốt đời, nền tảng của đổi mới quốc gia (Hoàng Văn Bình và Ngô Quang Sơn, 2025). Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, thách thức không còn là mù chữ truyền thống mà là sự thiếu hụt năng lực số cơ bản; các chiến lược chuyển đổi số và xây dựng xã hội học tập vì thế nhấn mạnh phổ cập kỹ năng số, hình thành công dân số như điều kiện tham gia bình đẳng vào xã hội số và kinh tế tri thức (Thủ tướng Chính phủ, 2020). Ngoài ra, phổ cập năng lực số và trí tuệ nhân tạo không chỉ dừng lại ở khía cạnh kĩ thuật mà còn góp phần mở rộng khả năng tiếp cận và tham gia vào các nguồn tri thức trong xã hội học tập (Trần Nguyễn Phước Thông, 2025); đồng thời, năng lực công dân số được xác định là một nền tảng quan trọng của phát triển bền vững trong bối cảnh chuyển đổi số (Nguyễn Thị Thanh Hương và Nguyễn Thị Tâm, 2025). Như vậy, điểm tương đồng cốt lõi giữa hai phong trào không nằm ở nội dung tri thức cụ thể mà ở chức năng chính sách: đều nhằm phổ cập một chuẩn năng lực tối thiểu mà xã hội đòi hỏi ở công dân trong từng giai đoạn phát triển.

Như vậy, sự tương đồng giữa hai phong trào không chủ yếu nằm ở hình thức tổ chức hay công cụ giáo dục mà ở bản chất chính sách: cả hai đều là chiến lược do Nhà nước khởi xướng và dẫn dắt nhằm giải quyết “khoảng trống” về năng lực nền tảng của công dân trong những bước ngoặt phát triển khác nhau. Trong khi đó, khác biệt cơ bản lại thuộc về bối cảnh lịch sử - công nghệ và mô hình quản trị: từ một phong trào vận động quần chúng trong điều kiện kiến thiết quốc gia và kháng chiến chống ngoại xâm, chuyển sang một chương trình chính sách tích hợp trong chiến lược chuyển đổi số quốc gia, gắn với hệ sinh thái công nghệ số, thị trường lao động số và yêu cầu học tập suốt đời của kỉ nguyên 4.0.

Bảng 2. Điểm khác nhau giữa hai phong trào (Nguồn: Tác giả tổng hợp và xây dựng)

Tiêu chí	Bình dân học vụ	Bình dân học vụ số
Bối cảnh lịch sử	Sau Cách mạng Tháng Tám, tình trạng mù chữ có tỉ lệ cao	Thời kì Cách mạng công nghiệp 4.0 và chiến lược chuyển đổi số quốc gia
Đối tượng thụ hưởng	Người dân chưa biết chữ hoặc trình độ chữ viết hạn chế	Toàn dân, với trọng tâm là nhóm có nguy cơ bị thiệt thòi trong môi trường số (người cao tuổi, vùng sâu vùng xa, nông thôn, lao động trình độ thấp...)
Nội dung học tập cốt lõi	Năng lực đọc - viết chữ Quốc ngữ và tính toán cơ bản	Kỹ năng số cơ bản, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, an toàn thông tin và làm việc trong môi trường số

Phương thức dạy học	Chủ yếu tổ chức lớp học cộng đồng, trực tiếp, linh hoạt về thời gian và địa điểm	Kết hợp dạy học trực tiếp với trực tuyến, khai thác nền tảng số và các hình thức học tập linh hoạt, hướng tới phát triển năng lực và tự học
Phương tiện học tập	Tài liệu chữ Quốc ngữ giản lược và vật liệu học tập cơ bản	Thiết bị số, Internet, nền tảng và tài nguyên học tập số

Đối chiếu các khía cạnh trong bảng 2, có thể thấy rằng kết quả so sánh cho thấy sự khác biệt giữa phong trào Bình dân học vụ và Bình dân học vụ số không chỉ nằm ở nội dung học tập mà ở mô hình giáo dục và logic tiếp cận năng lực. Bình dân học vụ (1945 - 1946) có thể được phân tích như một mô hình bù đắp thiếu hụt, hướng tới một chuẩn năng lực tối thiểu tương đối ổn định và được tổ chức qua lớp học cộng đồng trực tiếp. Ngược lại, trong Bình dân học vụ số, năng lực số được tiếp cận theo logic phát triển năng lực, nơi chuẩn năng lực mang tính động và đòi hỏi học tập suốt đời. Cách tiếp cận này phù hợp với quan niệm về công dân học tập trong kỉ nguyên chuyển đổi số, nơi năng lực phải được duy trì và phát triển xuyên suốt vòng đời (Hoàng Văn Bình và Ngô Quang Sơn, 2025), đồng thời tương thích với định hướng giáo dục phát triển năng lực và học tập suốt đời (Nguyễn Thị Huệ, 2025; Nguyễn Trang Thư và Nguyễn Văn Ru, 2025).

Ở phương diện tổ chức giáo dục, các văn bản chính sách chuyển đổi số chủ yếu xác lập mục tiêu nâng cao năng lực số và thu hẹp khoảng cách số, chứ không quy định một mô hình sư phạm thống nhất. Vì vậy, việc xuất hiện các hình thức học tập kết hợp trực tiếp - trực tuyến, khai thác nền tảng số và tài nguyên học tập mở cần được hiểu như biểu hiện của một cấu trúc giáo dục đang chuyển dịch thay vì là quy định chính sách cụ thể. Sự chuyển dịch từ lớp học cộng đồng dựa trên vật liệu giản đơn sang hệ sinh thái học tập số tích hợp công nghệ, dữ liệu và dịch vụ số phản ánh sự thay đổi ở cấp độ cấu trúc quản trị: từ mô hình vận động tập trung sang mô hình đa chủ thể trong hệ sinh thái số. Như vậy, sự khác biệt giữa hai phong trào phản ánh chuyển dịch từ mô hình phổ cập chuẩn tối thiểu ổn định sang mô hình phát triển năng lực động trong hệ sinh thái số, đánh dấu một bước tái cấu trúc nền tảng giáo dục toàn dân.

3.4. Phân tích sự kế thừa và chuyển hóa giữa hai thời kì

Phong trào Bình dân học vụ số là sự tiếp nối có chọn lọc và phát triển ở trình độ cao hơn của phong trào Bình dân học vụ. Mối quan hệ giữa hai phong trào thể hiện rõ sự kế thừa nhất quán về tư tưởng giáo dục toàn dân, đồng thời phản ánh quá trình chuyên hóa sâu sắc về nội dung tri thức và phương thức tổ chức giáo dục, phù hợp với bối cảnh phát triển của từng giai đoạn lịch sử. Sự kế thừa thể hiện ở tư tưởng giáo dục toàn dân khi cả hai phong trào đều coi tri thức của nhân dân là nền tảng để nâng cao năng lực quốc gia và khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng trong quá trình học tập. Tinh thần mọi người đều có thể dạy và học trong phong trào giai đoạn (1945 - 1946) được duy trì trong Bình dân học vụ số thông qua việc huy động cán bộ cơ sở, đoàn viên thanh niên, tình nguyện viên và các tổ chức xã hội để phổ cập kĩ năng số. Bên cạnh đó, sự khác biệt và chuyển hóa chủ yếu diễn ra ở nội dung tri thức, phương tiện và mô hình tổ chức giáo dục. Nội dung học tập được mở rộng từ yêu cầu biết đọc, biết viết cơ bản sang phát triển năng lực số và tri thức công nghệ; phương tiện giáo dục chuyển từ SGK và lớp học truyền thống sang các nền tảng số và tài liệu điện tử; mô hình tổ chức chuyển từ hình thức giảng dạy trực tiếp, tập trung sang mô hình điều phối đa chủ thể với sự tham gia của Nhà nước, cộng đồng và khu vực tư nhân. Từ góc độ tổ chức giáo dục, các văn bản chính sách hiện hành không xác lập một mô hình sư phạm chuẩn hóa cho phong trào Bình dân học vụ số mà chủ yếu nhấn mạnh mục tiêu phổ cập năng lực số và thu hẹp khoảng cách số trong xã hội. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai có thể nhận diện xu hướng chuyển dịch từ mô hình giảng dạy tập trung sang mô hình điều phối đa chủ thể, trong đó Nhà nước giữ vai trò định hướng, cộng đồng tham gia hỗ trợ và khu vực công nghệ cung cấp nền tảng, công cụ học tập. Sự chuyển dịch này phản ánh quá trình thích ứng của chính sách giáo dục trước yêu cầu phát triển của xã hội số, đồng thời cho thấy Bình dân học vụ số không phải là sự tái hiện cơ học phong trào giai đoạn (1945 - 1946) mà là sự kế thừa tư tưởng giáo dục toàn dân được chuyên hóa và nâng cấp về cấu trúc tổ chức trong bối cảnh mới. Qua phân tích, có thể thấy mối quan hệ kế thừa và chuyển hóa giữa hai phong trào phản ánh sự tiếp nối nhất quán của tư tưởng giáo dục vì nhân dân, do nhân dân và phục vụ nhân dân, đồng thời cho thấy năng lực thích ứng của chính sách giáo dục Việt Nam trước những biến đổi của bối cảnh lịch sử - xã hội. Theo cách tiếp cận này, Bình dân học vụ số được hiểu như một bước phát triển ở trình độ cao hơn của tiến trình giáo dục toàn dân, được hình thành trên nền tảng lịch sử của phong trào Bình dân học vụ (1945 - 1946) thay vì một sáng kiến tách rời quá khứ. Qua phân tích này, nghiên cứu góp phần làm rõ logic kế thừa - chuyển hóa của giáo dục toàn dân như một tiến trình chính sách liên tục trong lịch sử phát triển quốc gia.

3.5. Bài học kinh nghiệm từ phong trào Bình dân học vụ (1945 - 1946) cho Bình dân học vụ số

Thành công của phong trào Bình dân học vụ (1945 - 1946) với hơn 2,5 triệu người thoát mù chữ chỉ sau một năm là minh chứng lịch sử cho sức mạnh của xã hội hóa giáo dục (Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, 2025). Yếu tố then chốt tạo nên thành công của phong trào là việc vận dụng phương châm “người biết dạy người chưa biết” kết hợp với huy động hiệu quả các nguồn lực sẵn có trong cộng đồng. Cách tiếp cận này hình thành một nền tảng phương pháp luận quan trọng cho việc thiết kế và triển khai mô hình Bình dân học vụ số trong bối cảnh hiện nay. Đây chính là nền tảng phương pháp luận quan trọng nhất để xây dựng mô hình Bình dân học vụ số hiện nay. Áp dụng vào thực tiễn, bài học về tổ chức mạng lưới học tập linh hoạt đang được tái hiện qua mô hình “Tổ công nghệ số cộng đồng”. Thay vì các lớp học tập trung cứng nhắc, việc phổ cập kỹ năng số cần đi vào từng hộ gia đình, gắn liền với nhu cầu thiết thực như thanh toán, y tế hay dịch vụ công. Cách tiếp cận này phản ánh yêu cầu chuyển đổi số phải được triển khai theo hướng bao trùm, dựa trên sự tham gia chủ động của người dân. Tuy nhiên, bối cảnh mới đặt ra những thách thức khác biệt. Nếu bảng chữ cái là hữu hạn và cố định, thì công nghệ lại thay đổi không ngừng. Do đó, Bình dân học vụ số không thể là chiến dịch một lần mà phải hướng tới xây dựng năng lực tự học suốt đời. Bên cạnh công tác dân vận, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ thiết bị để đảm bảo mọi người dân, dù ở vùng sâu vùng xa, đều bình đẳng trong cơ hội tiếp cận tri thức số.

Trên cơ sở tổng hợp các bài học lịch sử và thực tiễn, nghiên cứu cho rằng việc triển khai Bình dân học vụ số trong giai đoạn tới cần được xác định như một chiến lược dài hạn, gắn chặt với lộ trình chuyển đổi số quốc gia, thay vì tiếp cận theo hướng phong trào mang tính hình thức. Nội dung đào tạo cần được thiết kế theo hướng linh hoạt và cá thể hóa, phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của từng nhóm đối tượng, tập trung vào các kỹ năng số có tính ứng dụng cao trong đời sống và lao động. Đồng thời, Nhà nước cần phát huy vai trò điều phối vĩ mô, kết hợp hiệu quả với nguồn lực xã hội hóa từ doanh nghiệp công nghệ và các tổ chức cộng đồng, trong đó các chính sách hỗ trợ bao trùm giữ vai trò then chốt nhằm hạn chế nguy cơ gia tăng khoảng cách số trong xã hội.

4. Kết luận và bình luận

Bình dân học vụ số cho thấy sự mở rộng và tái định nghĩa thực hành của khái niệm “giáo dục toàn dân” trong bối cảnh xã hội số, vượt ra ngoài cách hiểu truyền thống về phổ cập tri thức hay kỹ năng công nghệ đơn lẻ. Khi đặt trong so sánh với phong trào Bình dân học vụ (1945 - 1946), có thể nhận diện rõ sự tiếp nối của tư tưởng “Khai dân trí”, đồng thời làm nổi bật sự dịch chuyển trọng tâm giáo dục từ việc truyền thụ các tri thức nền tảng mang tính ổn định sang việc hình thành năng lực thích ứng trước môi trường công nghệ biến đổi nhanh và không chắc chắn. Cách tiếp cận này cho phép nhìn nhận “xóa mù số” như một quá trình xã hội - giáo dục toàn diện, trong đó trọng tâm không nằm ở việc tiếp cận thiết bị hay nền tảng số mà ở khả năng tham gia một cách có ý thức, an toàn và hiệu quả vào đời sống xã hội số. Nhận thức này góp phần bổ khuyết cho các nghiên cứu về giáo dục số vốn thiên về phân tích công nghệ, trong khi chưa xem xét đầy đủ các chiều cạnh chính sách, xã hội và quản trị gắn với phổ cập năng lực số ở quy mô toàn dân. Bên cạnh đó, sự so sánh lịch sử - đương đại cũng cho thấy những giới hạn của việc áp dụng trực tiếp mô hình Bình dân học vụ (1945 - 1946) vào bối cảnh hiện nay. Nếu phong trào giai đoạn (1945 - 1946) được triển khai trong điều kiện hệ tri thức tương đối ổn định, thì Bình dân học vụ số vận hành trong môi trường công nghệ liên tục biến đổi, đòi hỏi sự chuyển dịch từ logic triển khai theo chiến dịch sang logic phát triển năng lực học tập suốt đời. Điều này đặt ra yêu cầu đối với chính sách giáo dục toàn dân trong xã hội số là phải linh hoạt, thích ứng và có khả năng điều chỉnh theo tốc độ biến đổi của bối cảnh công nghệ - xã hội.

Trên cơ sở so sánh lịch sử và phân tích chính sách, bài báo làm rõ rằng phong trào Bình dân học vụ giai đoạn (1945 - 1946) và phong trào Bình dân học vụ số, dù được triển khai trong những bối cảnh phát triển khác nhau, đều phản ánh một định hướng chính sách xuyên suốt của Nhà nước Việt Nam trong việc phổ cập các năng lực nền tảng nhằm củng cố năng lực quốc gia. Trong khi phong trào giai đoạn (1945 - 1946) tập trung khắc phục tình trạng thiếu hụt năng lực đọc - viết của đại bộ phận dân cư trong giai đoạn kiến thiết nhà nước hiện đại, thì Bình dân học vụ số hướng tới thu hẹp khoảng cách năng lực số và hình thành công dân số trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện. Đóng góp của bài báo thể hiện ở việc tiếp cận so sánh hai phong trào ở bình diện tư tưởng giáo dục và cấu trúc chính sách, qua đó làm sáng tỏ logic kế thừa và chuyển hóa của giáo dục toàn dân như một tiến trình chính sách liên tục trong lịch sử phát triển quốc gia. Trên cơ sở các kết quả đạt được, nghiên cứu mở ra hướng tiếp cận cho các công trình tiếp theo trong việc phân tích sâu hơn tác động xã hội của phổ cập năng lực số đối với các nhóm dân cư khác nhau, cũng như làm rõ mối quan hệ giữa năng lực số, công bằng giáo dục và phát triển bền vững. Những hướng nghiên cứu này có ý nghĩa bổ sung bằng chứng khoa học cho quá trình hoàn thiện chính sách giáo dục toàn dân trong bối cảnh chuyển đổi số ngày càng sâu rộng.

Tuyên bố về vai trò của các tác giả: Nguyễn Hồng Hà: Xây dựng ý tưởng nghiên cứu; Viết bản thảo ban đầu; Chỉnh sửa và phản biện bản thảo. Bùi Trần Khôi Nguyễn: Viết bản thảo, Thực hiện nghiên cứu và thu thập dữ liệu; Chỉnh sửa và phản biện bản thảo. Hoàng Khánh Linh: Viết bản thảo; Chỉnh sửa và phản biện bản thảo. Nguyễn Anh Tuấn: Xây dựng ý tưởng nghiên cứu; Thiết kế phương pháp nghiên cứu, Chỉnh sửa và phản biện bản thảo.

Tuyên bố về GenAI và Quyền tác giả: Trong quá trình chuẩn bị bản thảo này, tác giả sử dụng công cụ Chat GPT và Consensus để hỗ trợ nghiên cứu.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.

Thông tin tài trợ: Nghiên cứu này không nhận được tài trợ từ bên ngoài.

Tài liệu tham khảo

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011). *Hồ Chí Minh toàn tập* (Tập 4). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Ban Chấp hành Trung ương (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- Bảo tàng Lịch sử Quốc gia (2025). *Bình dân học vụ - Thắp sáng tương lai*. <https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3096/76024/binh-dan-hoc-vu-thap-sang-tuong-lai.html>
- Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945). *Sắc lệnh số 17 ngày 17/8/1945 về việc chống nạn mù chữ*.
- Hà Văn (2025). *Thủ tướng phát động phong trào “Bình dân học vụ số” toàn dân*. Báo Điện tử Chính phủ. [https://baochinhphu.vn/thu-tuong-phat-dong-phong-trao-bin-dan-hoc-vu-so-toan-dan%20%20102250326173839409.htm](https://baochinhphu.vn/thu-tuong-phat-dong-phong-trao-bin-dan-hoc-vu-so-toan-dan-dan%20%20102250326173839409.htm)
- Hoàng Văn Bình, Ngô Quang Sơn (2025). Công dân học tập trong kỉ nguyên chuyển đổi số: Con đường hướng tới học tập suốt đời và đổi mới quốc gia. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Trung Vương*, 1(3), 1-11.
- Lê Mậu Hãn (Chủ biên), Trần Bá Đệ, Nguyễn Văn Thư (2005). *Đại cương lịch sử Việt Nam* (Tập 3). NXB Giáo dục.
- Nguyễn Minh Phong (2025). Bình dân học vụ số - Chia khóa của kỉ nguyên số. *Tạp chí Thông tin và Truyền thông*, (1+2), 20-29. <https://vjst.vn/an-pham/tap-chi-thong-tin-va-truyen-thong-so-1-2-thang-1-2-2025-343.html>
- Nguyễn Quang Kính (2005). *Giáo dục Việt Nam 1945 - 2005* (Tập 1). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Nguyễn Thị Huệ (2025). Đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực đáp ứng nhu cầu xã hội. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Trung Vương*, 1(2), 1-13.
- Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Tâm (2025). Xây dựng năng lực công dân số - Nền tảng phát triển bền vững trong xã hội học tập. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở Hà Nội*, 7A, 611-619.
- Nguyễn Trang Thư, Nguyễn Văn Rur (2025). Đổi mới phương pháp dạy học - Xu hướng tích cực của giáo dục đại học tiên tiến. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Trung Vương*, 1(1), 58-67.
- Schwab, K. (2017). *The fourth industrial revolution*. Crown Currency.
- Tuệ Lâm (2025). *Bình dân học vụ số - Nền tảng cho sự phát triển trong kỉ nguyên số*. Báo Điện tử Chính phủ. <https://baochinhphu.vn/binh-dan-hoc-vu-so-nen-tang-cho-su-phat-trien-trong-ky-nguyen-so-102250327113127019.htm>
- Thủ tướng Chính phủ (1957a). *Chỉ thị số 114-TTg ngày 27/3/1957 về việc tăng cường lãnh đạo công tác xóa nạn mù chữ và bổ túc văn hóa, chính sách đối với cán bộ, giáo viên bình dân học vụ*.
- Thủ tướng Chính phủ (1957b). *Thông tư số 576-TTg ngày 26/11/1957 về việc lãnh đạo công tác bình dân học vụ*.
- Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Trần Nguyễn Phước Thông (2025). Nâng cao năng lực số và phổ cập trí tuệ nhân tạo cho toàn dân trong xã hội học tập hiện đại. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở Hà Nội*, 7A, 630-642.